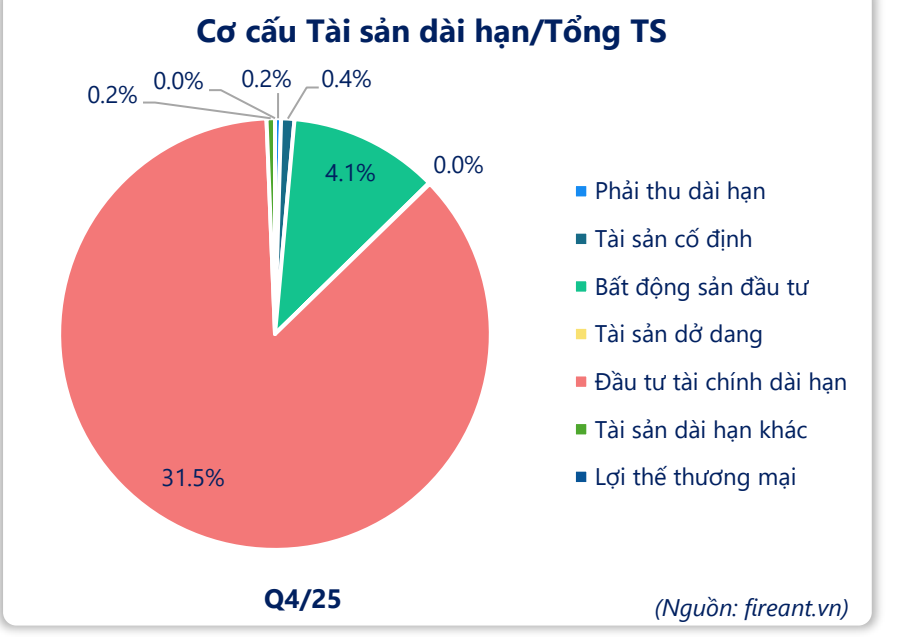
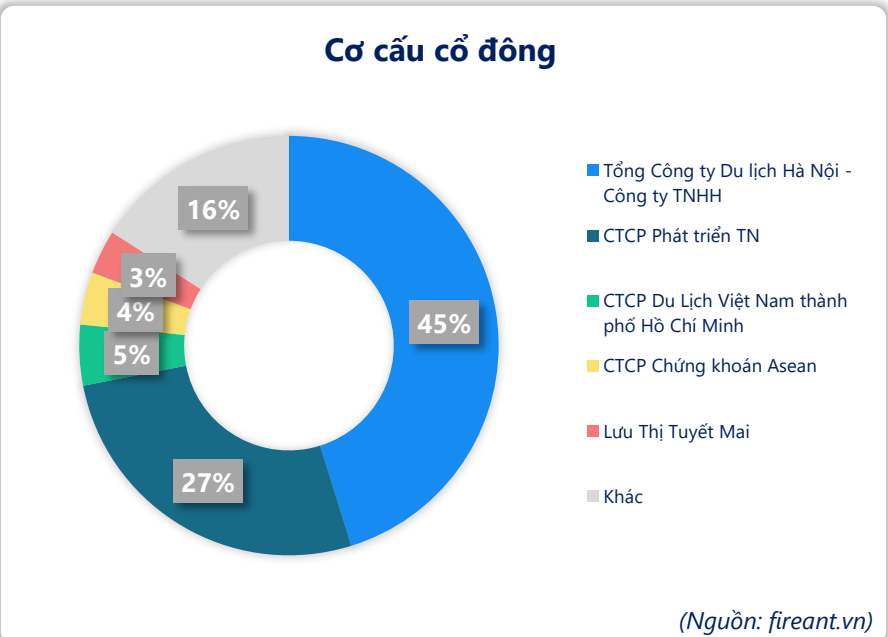
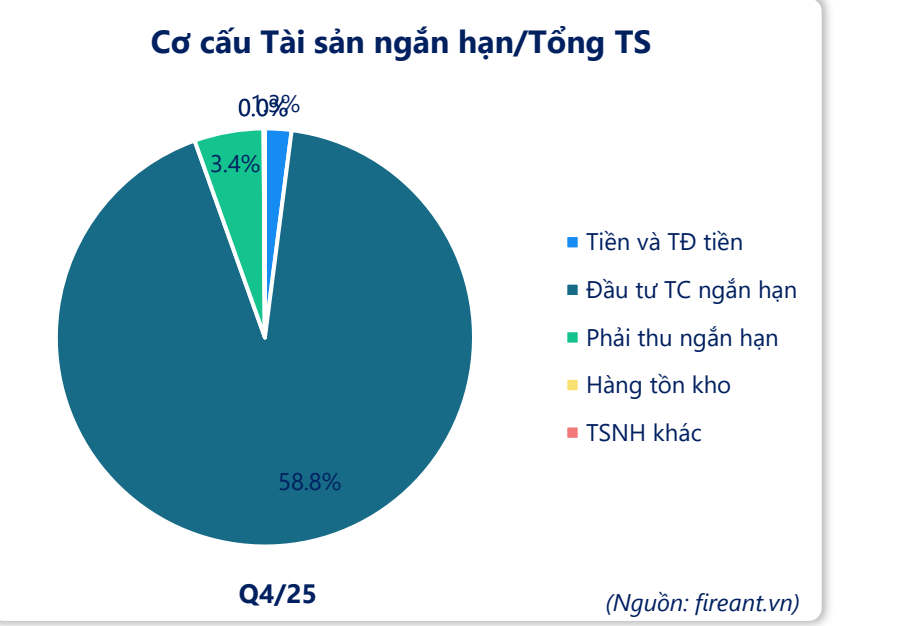
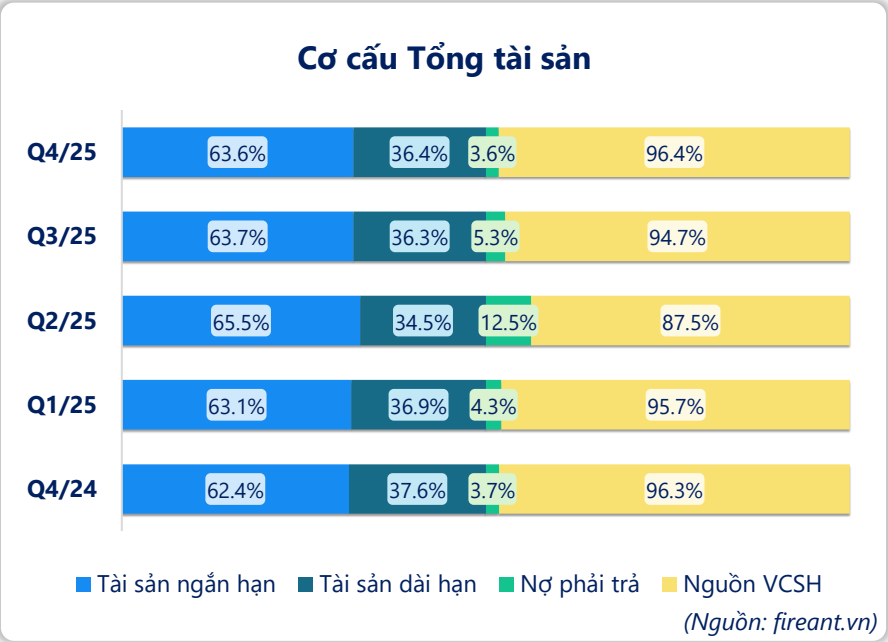
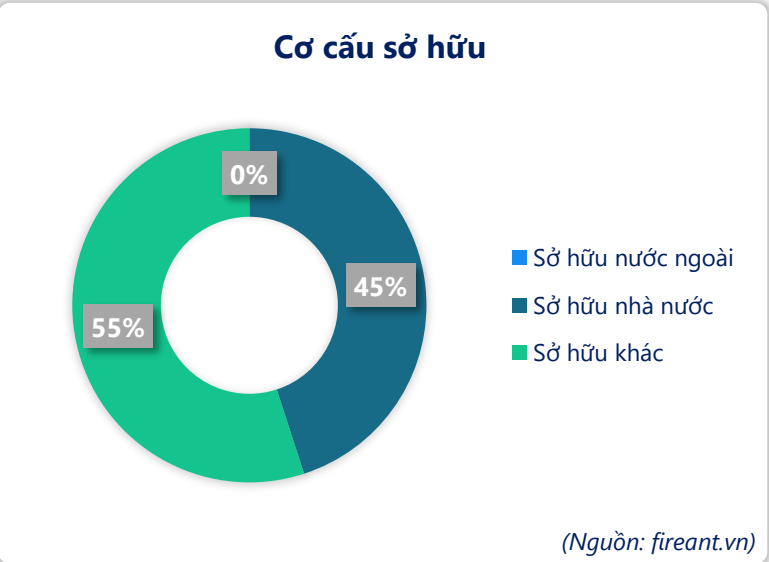
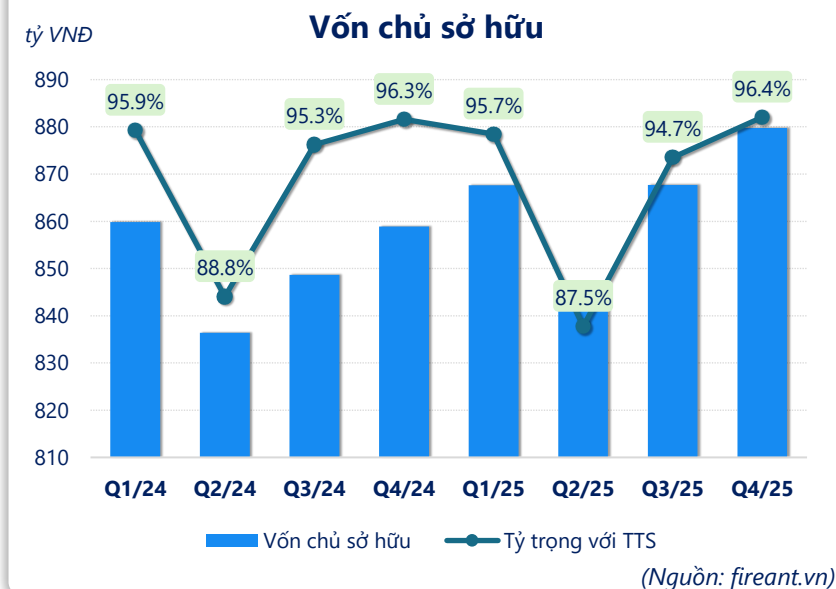
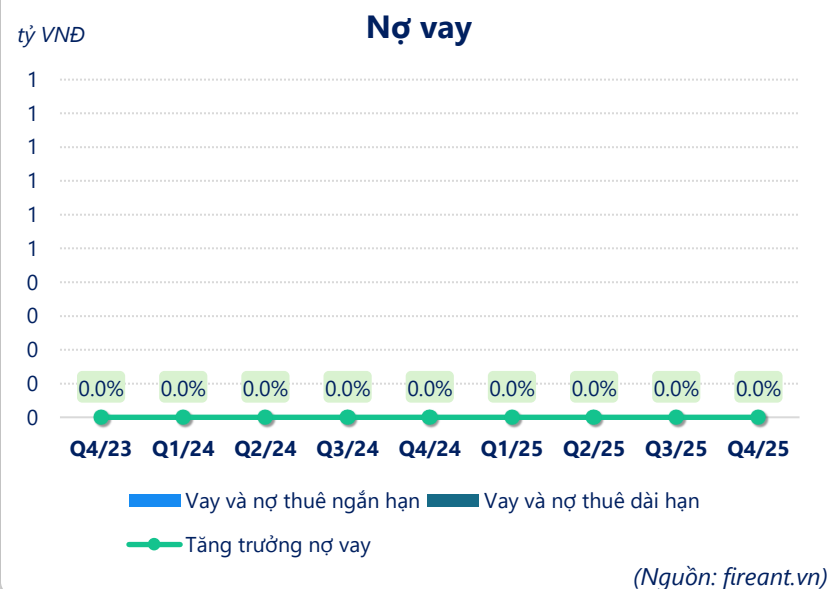
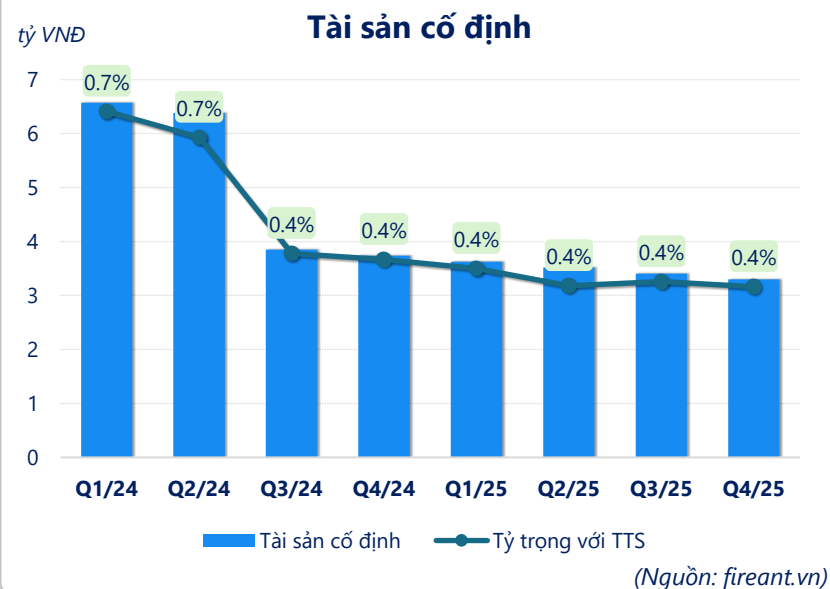
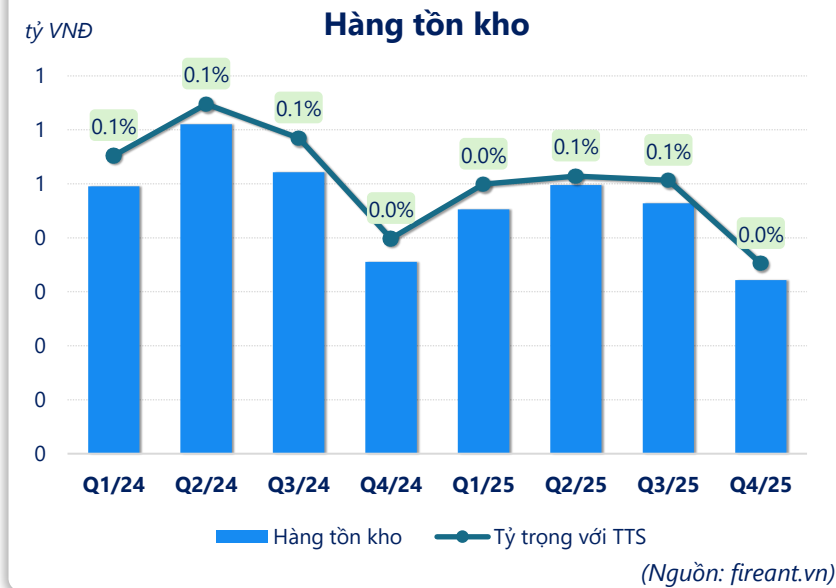
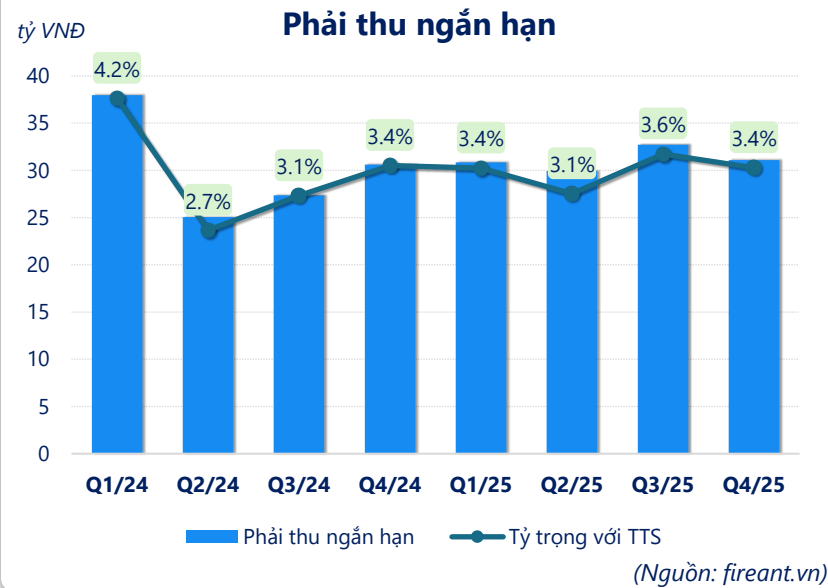
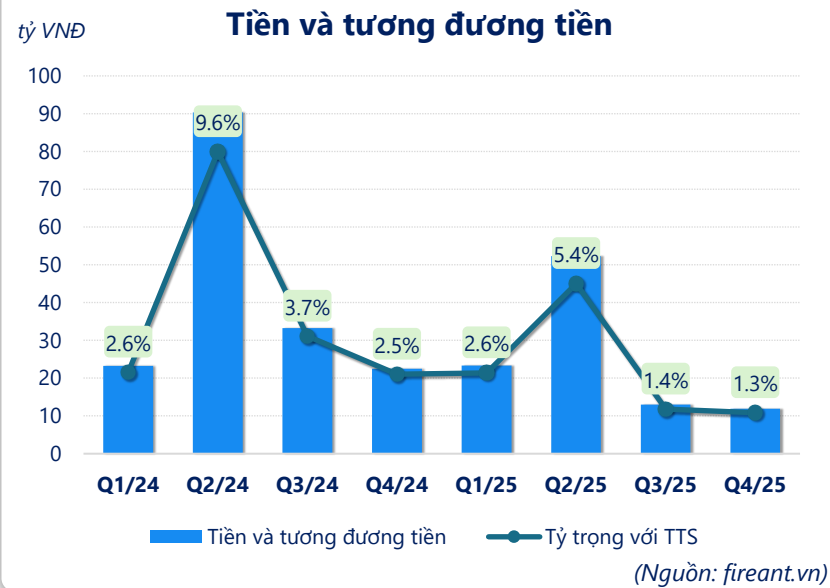
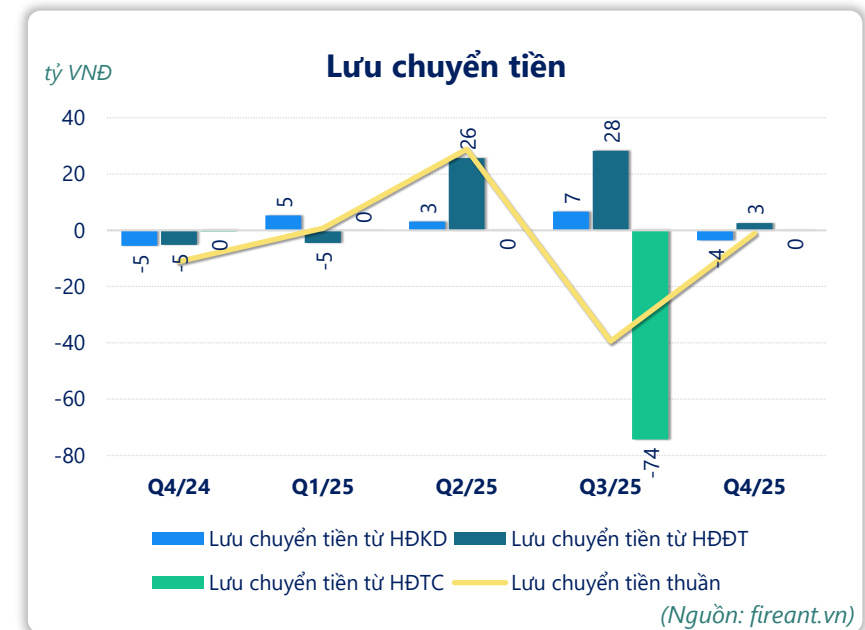
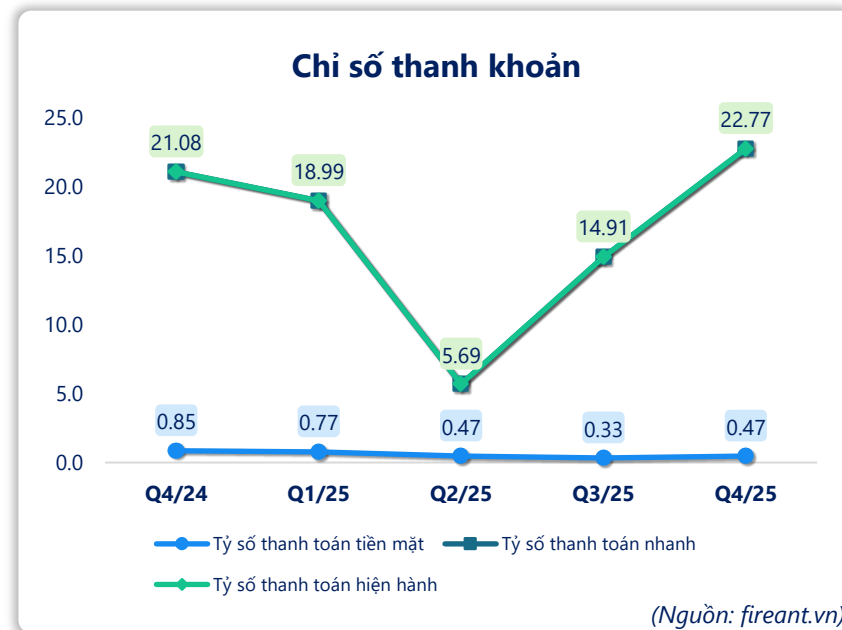
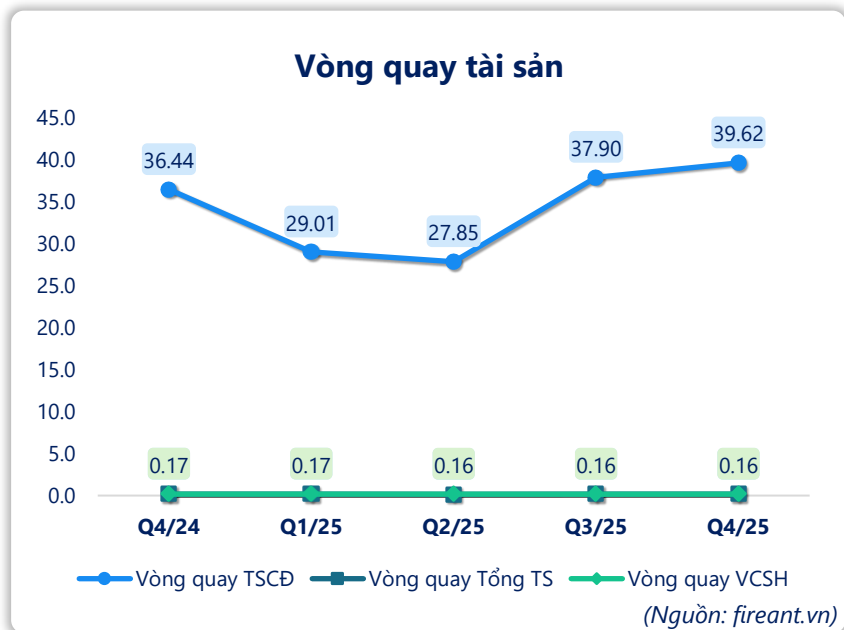
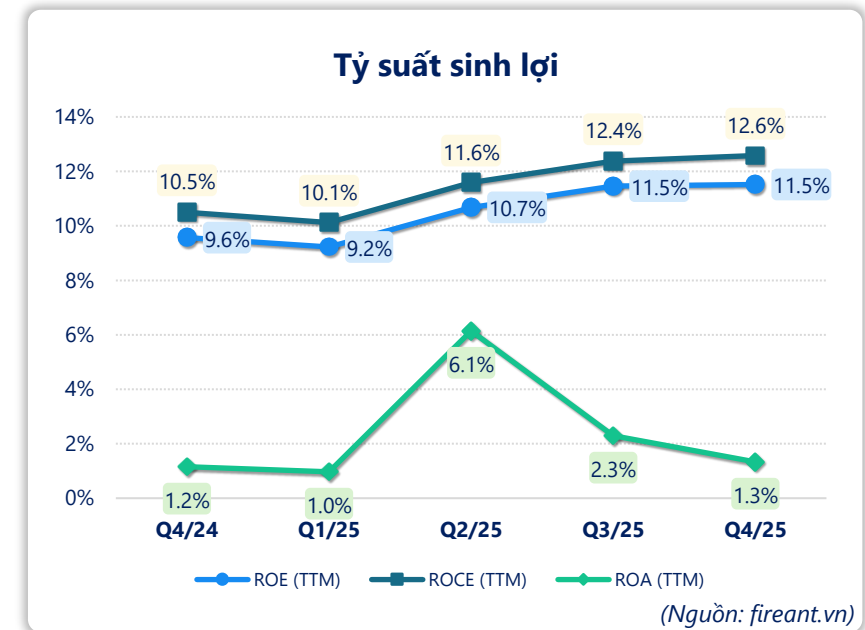
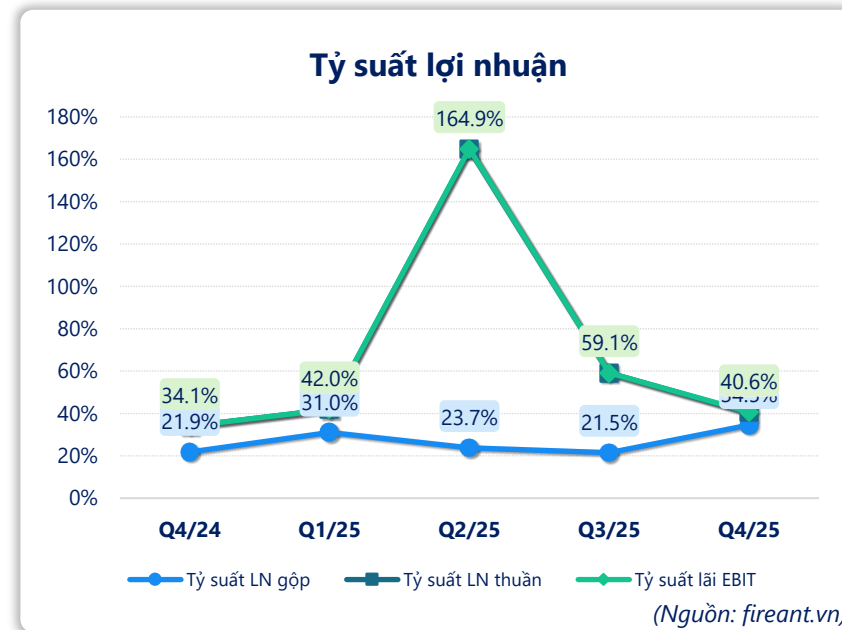
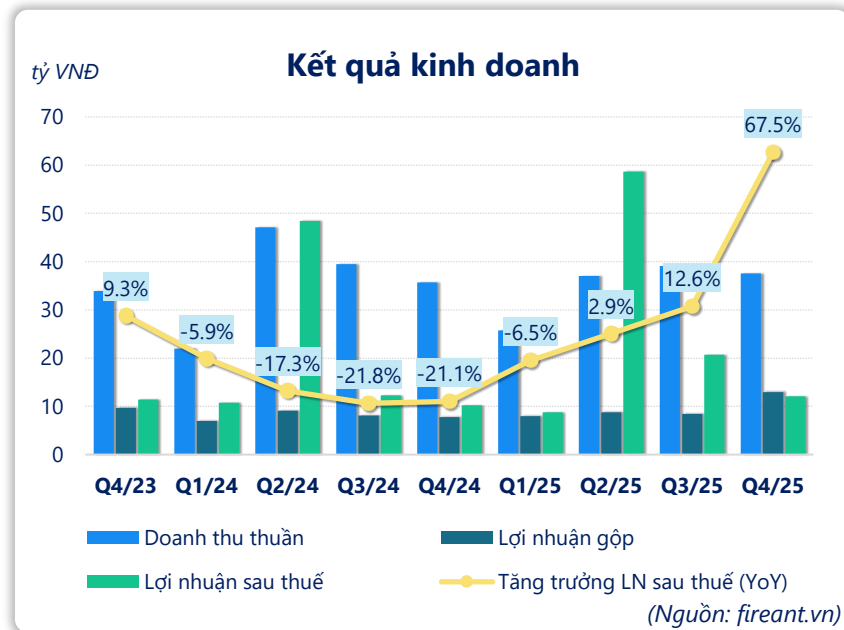


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		38,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		43,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		21,000
SL cổ phiếu LH		74,797,400
KLGD BQ 20 phiên (CP)		581,425
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,842
P/E		28.4
EPS		1,339

	YTD	1T	3T	6T
TSJ	6.5%	24.6%	-5.5%	20.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	913	892	2.3%
Tài sản ngắn hạn	581	556	4.4%
Tiền và tương đương tiền	11.9	22.5	-47.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	537	502	6.9%
Phải thu ngắn hạn	31.1	30.6	1.5%
Hàng tồn kho	0.32	0.36	-9.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.30	0.49	-39.4%
Tài sản dài hạn	332	336	-1.0%
Phải thu dài hạn	1.50	1.50	0.0%
Tài sản cố định	3.30	3.74	-11.7%
Bất động sản đầu tư	37.2	39.9	-6.7%
Tài sản dở dang	0.27	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	288	288	0.0%
Tài sản dài hạn khác	2.09	2.77	-24.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	32.8	32.9	-0.3%
Nợ ngắn hạn	25.5	26.4	-3.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.84	0.34	145%
Nợ dài hạn	7.29	6.50	12.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	880	859	2.4%
Vốn chủ sở hữu	880	859	2.4%
Vốn điều lệ	748	748	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	35.7	25.7	37.0	39.1	37.5
Giá vốn hàng bán	27.9	17.8	28.3	30.7	24.6
Lợi nhuận gộp	7.80	7.97	8.79	8.40	13.0
Doanh thu HĐTC	8.92	6.79	56.5	18.6	6.96
Chi phí TC	-0.06	0.00	0	0	0.43
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.08	1.73	1.65	1.60	1.81
Chi phí QLDN	2.56	2.23	2.69	2.29	2.52
LN thuần từ HĐKD	12.1	10.8	61.0	23.1	15.2
Lợi nhuận khác	0.01	0.00	0.11	0.00	0.08
LN trước thuế	12.2	10.8	61.1	23.1	15.3
Lợi nhuận sau thuế	10.2	8.75	58.6	20.7	12.1
LNST của CĐ cty mẹ	10.2	8.75	58.6	20.7	12.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-5.47	5.26	3.15	6.63	-3.61
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.21	-4.52	25.7	28.3	2.56
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.36	0.01	-0.01	-74.3	-0.02
Tiền đầu kỳ	33.2	22.5	23.3	52.3	13.0
Lưu chuyển tiền thuần	-11.0	0.75	28.8	-39.4	-1.06
Ảnh hưởng tỷ giá	0.29	0.05	0.15	0.07	-0.03
Tiền cuối kỳ	22.5	23.3	52.3	13.0	11.9

(Nguồn: fireant.vn)